

## 1. Thư viện

- **HIS.Desktop.Plugins.Library.CheckIcd**


## 2. Dữ liệu khởi tạo

- Thông tin hồ sơ(**HIS\_TREATMENT**)
- **Delegate** cập nhật chẩn đoán

## 3. Hàm kiểm tra tất cả thông tin chẩn đoán

- Truyền vào các thông tin
  - Mã chẩn đoán chính(string)
  - Mã chẩn đoán phụ(string)
  - Chỉ kiểm tra.(bool)
- Trả ra trạng thái kiểm tra và thông báo lỗi nếu có.
  - Giá trị true nếu hợp lệ.
  - Giá trị false nếu có ít nhất 1 thông tin bị sai và thông báo sai đi kèm
- Xử lý kiểm tra thông tin chẩn đoán. Với mỗi mã bệnh hợp lệ (có thông tin **V\_HIS\_ICD** tương ứng) xử lý kiểm tra và đưa ra thông báo ứng với các trường hợp
  - ICD có thiết lập thông tin **giới tính** và giới tính của bệnh nhân khác với giới tính thiết lập
    - **V\_HIS\_ICD** có **GENDER\_ID** khác null và **GENDER\_ID** khác với **TDL\_PATIENT\_GENDER\_ID** của hồ sơ
    - Trả ra thông báo “Mã bệnh xxx chỉ sử dụng cho giới tính y”. Trong đó
      - xxx là mã bệnh
      - y là giới tính được thiết lập.
  - ICD có thiết lập thông tin loại tuổi và tuổi của bệnh nhân nằm ngoài khoảng hiệu lực được thiết lập
    - **V\_HIS\_ICD** có dữ liệu **AGE\_TYPE\_ID** thì tính tuổi của bệnh nhân theo loại tuổi tương ứng và so sánh với giá trị được thiết lập. Thỏa mãn 1 trong các trường hợp
      - Nếu có thiết lập tuổi từ (**AGE\_FROM** khác null) và tuổi của bệnh nhân(**TDL\_PATIENT\_DOB**) tính theo loại tuổi nhỏ hơn tuổi từ
      - Nếu có thiết lập tuổi đến(**AGE\_TO** khác null) và tuổi của bệnh nhân(**TDL\_PATIENT\_DOB**) tính theo loại tuổi lớn hơn tuổi đến
    - Trả ra thông báo “Mã bệnh xxx chỉ sử dụng cho bệnh nhân zzz tuổi”. Trong đó
      - xxx là mã bệnh
      - zzz là tuổi được thiết lập.

- Nếu loại tuổi khác năm thì bổ sung tên loại tuổi vào sau
- Nếu chỉ thiết lập 1 tham số thì có thêm tiền tố “trên” và “dưới”
- Ví dụ: 8 - 19; trên 27 ngày; dưới 19
- Nếu thông tin ICD đang kiểm tra là bệnh chính mà được đánh dấu là bệnh phụ(**IS\_SUBCODE** = 1) thì trả ra thông báo “Mã bệnh xxx không sử dụng là bệnh chính”. Trong đó xxx là mã bệnh
- Nếu thông tin ICD đang kiểm tra là bệnh chính và có dữ liệu bệnh kèm theo (**ATTACH\_ICD\_CODES** khác null)
  - Nếu “Chỉ kiểm tra” là true thì kiểm tra danh sách bệnh phụ tương ứng
    - Nếu không tồn tại mã bệnh ứng với mã bệnh kèm theo thì trả ra thông báo “Mã bệnh xxx thiếu thông tin bệnh kèm theo” trong đó xxx là mã bệnh chính
  - Nếu “Chỉ kiểm tra” là false thì hiển thị popup chọn mã bệnh kèm theo
    - Nếu ICD đang nhập là mã kiểm(**IS\_SWORD** = 1) thì bắt buộc chọn ít nhất 1 mã bệnh kèm theo.
    - Danh sách bệnh kèm theo chỉ hiển thị các mã bệnh được khai báo trong thông tin mã bệnh kèm theo(**ATTACH\_ICD\_CODES**)
    - Sau khi chọn bệnh kèm theo thì gọi vào **delegate** để trả ra thông tin chẩn đoán vừa được chọn.
    - Cần đảm bảo khi chọn mã bệnh cũng kiểm tra các thông tin tuổi, giới tính nếu có thiết lập

 **Tim chọn bệnh**

...

Mã bệnh

Tên bệnh

☐

B15

Viêm gan A cấp

☐

B15.0

Viêm gan A có hôn mê gan

☐

B15.9

Viêm gan A không có hôn mê gan

☐

B16

Viêm gan B cấp

☐

B16.0

Viêm gan B cấp có đồng nhiễm virus viêm gan D, có hôn mê gan

☐

B16.1

Viêm gan B cấp có đồng nhiễm virus viêm gan D,, không có hôn mê gan

☐

B16.2

Viêm gan B cấp, không có tác nhân delta, có hôn mê gan

☐

B16.9

Viêm gan B cấp, không có đồng nhiễm virus viêm gan D, và không có hôn mê gan

☐

B17

Viêm gan virus cấp khác

☐

B17.0

Viêm gan D cấp tính bội nhiễm trên người mang viêm gan B

☐

B17.1

Viêm gan C cấp

☐

B17.2

Viêm gan E cấp

☐

B17.8

Viêm gan virus cấp xác định khác

☐

B17.9

Viêm gan virus cấp, không xác định

☐

B18

Viêm gan virus mạn

☐

B18.0

Viêm gan virus B mạn, có đồng nhiễm viêm gan virus D

☐

B18.1

Viêm gan virus B mạn, không có đồng nhiễm viêm gan virus D

☐

B18.2

Viêm gan (virus) C mạn

☐



B18.8

Viêm gan virus mạn khác

☐



B18.9


Viêm gan virus mạn, không xác định




1

/1





50



1 - 37/37

Danh sách tên bệnh

Chọn (Ctrl S)